TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ H** **----------** Số: 22/2020/HNGĐ-ST Ngày 13/8/2020 *V/v Ly hôn giữa chị Hvới anh T*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **---------o0o--------**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Trung Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Bôi

2. Ông Lương Văn Hùng

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 13/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 111/2020/TLST-HNGĐ ngày 25/5/2020 về tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXX-ST ngày 09 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tạ Thị H, sinh năm 1990 (Có mặt)

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Phố V, Thị trấn T, huyện T, TP. H

Hiện đang trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện T, Thành phố H

Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến T, sinh năm 1985 (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

Đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại Phố V, Thị trấn T, huyện T, TP. H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, chị Tạ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 09 tháng 11 năm 2009, chị Tạ Thị H và anh Nguyễn Tiến T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, Thành phố H trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn, chị H và anh T sống hòa thuận được khoảng 4 tháng thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và do anh T thường xuyên vi phạm pháp luật, bị Tòa án xét xử và phải đi thi hành án nhiều lần. Chị Tạ Thị H và anh Nguyễn Tiến T kết hôn được 10 năm nhưng phần lớn thời gian anh T phải đi thi hành án trại giam, sống không có trách nhiệm với gia đình và xã hội. Do vợ chồng sống xa nhau và chấm dứt quan hệ tình cảm nhiều năm, hai bên không có sự quan tâm, chia sẻ và chăm sóc nhau, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân nên chị H không còn tình cảm vợ chồng với anh T và nhận thấy vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Tạ Thị H và anh Nguyễn Tiến T có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 16/02/2010, cháu Linh đang ở cùng chị H. Nếu ly hôn, chị H có nguyện vọng nuôi cháu Linh và không yêu cầu anh T phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị Tạ Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Tiến T không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Bà Uông Thị C là mẹ đẻ của anh Nguyễn Tiến T trình bày: Chị Tạ Thị H và anh Nguyễn Tiến T tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được tổ chức lễ cưới vào ngày 02/8/2009. Sau khi kết hôn, chị H và anh T sống cùng với bà. Trong thời gian chung sống, bà C nhận thấy chị H và anh T sống không hòa thuận, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T là do chị H không khéo léo trong cách giao tiếp và cư xử với anh T. Chị H và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 16/02/2010. Cháu L đang ở cùng với chị H. Chị H và anh T không có tài sản chung, công nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án, bà C đã nhận các văn bản tố tụng thay anh T và cam kết thông báo cho anh T biết. Đồng thời, bà C cũng khuyên anh T đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị H nhưng anh T không đến Tòa án làm việc. Bà C cũng nhận thấy, nếu chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn thì chị H và anh T khó có khả năng đoàn tụ. Do vậy, bà C đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Bà Phạm Thị H là mẹ đẻ chị Tạ Thị H trình bày: Khoảng giữa năm 2010, chị H cùng cháu L đã về ở với vợ chồng bà H. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị H và anh T là do anh T thường xuyên vi phạm pháp luật và phải đi thi hành án tại trại giam dẫn đến vợ chồng phải sống xa nhau, không quan hệ tình cảm nhiều năm, không có sự quan tâm, chăm sóc và chia sẻ các vấn đề trong cuộc sống. Sau lần đi thi hành án lần thứ nhất, gia đình bà H đã động viên chị H cho anh T một cơ hội để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con chung nhưng chỉ một thời gian ngắn sau đó anh T lại vi phạm pháp luật và đi trại cải tạo. Vợ chồng bà H luôn tạo điều kiện về chỗ ở và hỗ trợ về mặt kinh tế để chị H có điều kiện chăm sóc tốt nhất về mọi mặt cho cháu L. Do vậy, bà H đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và xem xét, tạo điều kiện cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L.

Tại phiên tòa: Chị Tạ Thị H giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên.

Xác minh tại chính quyền địa phương, Ủy ban nhân dân Thị Trấn T, huyện T, TP. H cung cấp: Sau khi kết hôn, chị Tạ Thị H và anh Nguyễn Tiến T sống cùng mẹ anh tại phố V, Thị Trấn T, huyện T, TP. H. Do bất đồng quan điểm sống và không có sự quan tâm, chăm sóc và chia sẻ với nhau nên vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn và không tự hòa giải được nên chị H và anh T đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Chị Tạ Thị H và anh Nguyễn Tiến T có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 16/02/2010, cháu L đang ở cùng chị H. Để đảm bảo quyền, lợi ích cho các đương sự trong vụ án, Ủy ban nhân dân Thị Trấn T đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T có quan điểm: Từ khi thụ lý vụ án đến khi kết thúc, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự. Nguyên đơn, đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, bị đơn không chấp hành các quyền và nghĩa vụ nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Sau khi nghiên hồ sơ vụ án và nghe phần trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Tạ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Tiến T; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoành L, sinh ngày 16/02/2010 cho chị Tạ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc khi có đề nghị, thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi cho chung cho anh T cho đến khi chị H có đề nghị, thay đổi khác. Anh T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung vợ chồng: Do chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét. Về án phí: Chị Tạ Thị H phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các chứng cứ và tài liệu do các đương sự xuất trình, Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, chị Tạ Thị H đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và các vấn đề khác với anh Nguyễn Tiến T, đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại Phố V, Thị Trấn T, huyện T, TP. H nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn không chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, vắng mặt không có lý do lần thứ hai tại phiên tòa nên căn cứ Điều căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

3] Về nội dung vụ án:

3.1] Về quan hệ vợ chồng: Chị Tạ Thị H và anh Nguyễn Tiến T kết hôn vào ngày 09 tháng 11 năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, Thành phố H. Chị H và anh T kết hôn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo đúng phong tục của địa phương nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống, do bất đồng quan điểm sống nên giữa chị H và anh T đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ năm 2010 đến nay. Tòa án tiến hành hòa giải để chị H và anh T đoàn tụ nhưng không thành do chị H cương quyết đề nghị Tòa xét xử cho ly hôn.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Tạ Thị H và anh Nguyễn Tiến T căng thẳng từ lâu, cả hai đã ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm được mười năm, chị H không còn tình cảm vợ chồng với anh T, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Trong khi đó, anh T không đến tham gia các buổi hòa giải tại Tòa án, không thể hiện mong muốn được đoàn tụ. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 xử cho chị H được ly hôn với anh T là đúng pháp luật.

3.2] Về con chung: Chị Tạ Thị H và anh Nguyễn Tiến T có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 16/02/2010. Chị H có nguyện vọng nuôi cháu L nên giao cháu L cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.3] Về đóng góp phí tổn nuôi con chung: Chị Tạ Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Tiến T phải đóng góp phí tổn nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung của anh Nguyễn Tiến T đối với cháu Nguyễn Hoàng L cho đến khi có đề nghị, thay đổi khác.

3.5] Về tài sản vợ chồng: Chị Tạ Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3.6] Về án phí: Chị Tạ Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0012282 ngày 25/5/2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện T.

3.7] Về quyền kháng cáo: Chị Tạ Thị H và anh Nguyễn Tiến T có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Tiến T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 16/02/2010 cho chị Tạ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Hoàng L đủ 18 hoặc khi có thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung của anh Nguyễn Tiến Thành đối với cháu Nguyễn Hoàng L cho đến khi có thay đổi khác.

Quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn của anh Nguyễn Tiến T được pháp luật bảo đảm.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Tạ Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Tạ Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0012282 ngày 25/5/2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện T.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *TAND TP. H;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự huyện T;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện T;*

- Ủy ban nhân dân xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Trung Hòa